

**Phụ lục**  
**ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ, PHÁT QUANG, DUY TU, BẢO DƯỠNG,**  
**SỬA CHỮA, ĐẢM BẢO GIAO THÔNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**  
**ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2026*  
*của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (đồng)
<b>A</b>	<b>CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG ĐƯỜNG</b>		
<b>1</b>	<b>CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐƯỜNG</b>		
1.1	Tuần đường cấp II	km/tháng	611.426
1.2	Tuần đường cấp III	km/tháng	427.905
1.3	Tuần đường cấp IV, V, VI	km/tháng	330.916
1.4	Đếm xe bằng thủ công đường cấp III-IV	01 lần/trạm đếm	9.724.466
1.5	Đếm xe bằng thủ công đường cấp V-VI	01 lần/trạm đếm	4.869.903
1.6	Kiểm tra định kỳ, khẩn cấp, cập nhật số liệu cầu đường và tình hình bảo lũ đường cấp II	01 km/1 lần	33.449
1.7	Kiểm tra định kỳ, khẩn cấp, cập nhật số liệu cầu đường và tình hình bảo lũ đường cấp III	01 km/1 lần	22.507
1.8	Kiểm tra định kỳ, khẩn cấp, cập nhật số liệu cầu đường và tình hình bảo lũ đường cấp IV, V, VI	01 km/1 lần	16.758
1.9	Trực bảo lũ	01 km/năm	1.511.659
1.10	Quản lý hành lang an toàn đường bộ và đầu nối	01 km/năm	873.432
<b>2</b>	<b>CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG ĐƯỜNG</b>		
2.1	Cát cỏ bằng máy	01 km/1 lần	433.699
2.2	Phát quang cây cỏ bằng thủ công	01 km/1 lần	1.824.733
2.3	Láng nhựa mặt đường rạn nứt chân chim, mặt đường bong tróc (láng nhựa 2 lớp)	10m <sup>2</sup>	969.602
2.4	Xử lý cao su sinh lún chiều dày mặt đường đã lên ép 6cm	10m <sup>2</sup>	16.407.795
2.5	Vá ổ gà cóc gặm, lún cục bộ mặt đường bằng bê tông nhựa chiều dày mặt đường đã lên ép 6cm	10m <sup>2</sup>	3.644.817
2.6	Vét rãnh kín bằng máy lòng rãnh ≤ 60cm	10m	78.399
2.7	Bổ sung nắp rãnh bê tông	tám	657.314
2.8	Sơn biển báo, cột biển báo 2 nước	m <sup>2</sup>	54.649
2.9	Sơn cột Km	m <sup>2</sup>	209.900
2.10	Sơn cọc H	m <sup>2</sup>	163.008
2.11	Nấn sửa cột Km	cột	34.560
2.12	Nấn chỉnh, tu sửa biển báo	cột	62.206

<b>STT</b>	<b>HẠNG MỤC CÔNG VIỆC</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>ĐƠN GIÁ (đồng)</b>
2.13	Thay thế cột biển báo	cột	1.064.551
2.14	Thay thế biển báo	cái	850.802
2.15	Thay thế cọc tiêu, cọc MLG, cọc H, cột thủy chí...	cọc (cột)	174.958
2.16	Dán màng phản quang biển báo	m <sup>2</sup>	663.044
2.17	Vệ sinh mặt biển phản quang	m <sup>2</sup>	17.280
2.18	Sơn dặm vạch kẻ đường	m <sup>2</sup>	126.737
<b>B</b>	<b>QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG CẦU CÓ CHIỀU DÀI ≤ 300m</b>		
<b>1</b>	<b>QUẢN LÝ CẦU CÓ CHIỀU DÀI ≤ 300m</b>		
1.1	Kiểm tra cầu có chiều dài từ 200m đến dưới 300m hoặc bằng 300m	cầu/năm	21.102.605
1.2	Kiểm tra cầu có chiều dài từ 100m đến dưới 200m	cầu/năm	15.862.013
1.3	Kiểm tra cầu có chiều dài từ 50m đến dưới 100m	cầu/năm	5.352.210
1.4	Kiểm tra cầu chiều dài cầu nhỏ hơn 50m	cầu/năm	1.829.862
1.5	Kiểm tra trước và sau mùa mưa bão cầu có chiều dài từ 200m đến nhỏ hơn 300m hoặc bằng 300m	cầu/năm	5.368.867
1.6	Kiểm tra trước và sau mùa mưa bão cầu có chiều dài từ 100m đến dưới 200m	cầu/năm	4.495.435
1.7	Kiểm tra trước và sau mùa mưa bão cầu có chiều dài từ 50m đến dưới 100m	cầu/năm	2.254.635
1.8	Kiểm tra trước và sau mùa mưa bão cầu có chiều dài nhỏ 50m	cầu/năm	450.554
1.9	Cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên máy tính cầu có chiều dài từ 200m đến dưới 300m hoặc bằng 300m	cầu/năm	1.869.962
1.10	Cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên máy tính cầu có chiều dài từ 100m đến dưới 200m	cầu/năm	934.981
1.11	Cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên máy tính cầu có chiều dài từ 50m đến dưới 100m	cầu/năm	467.491
1.12	Cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên máy tính cầu có chiều dài nhỏ hơn 50m	cầu/năm	467.491
<b>2</b>	<b>BẢO DƯỠNG CẦU CÓ CHIỀU DÀI ≤ 300m</b>		
2.1	Sơn lan can cầu	m <sup>2</sup>	157.946
2.2	Vệ sinh mặt cầu, ống thoát nước	10m <sup>2</sup>	16.592

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (đồng)
2.3	Vá ô gà, cóc găm, lún cục bộ mặt cầu bằng bê tông nhựa chiều dày mặt đường đã lên ép 6cm	m <sup>2</sup>	349.865
2.4	Phát quang cây dại	100m <sup>2</sup>	1.481.214
<b>C</b>	<b>QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG CẦU CÓ CHIỀU DÀI &gt; 300m</b>		
<b>1</b>	<b>QUẢN LÝ CẦU CÓ CHIỀU DÀI &gt; 300m</b>		
1.1	Kiểm tra định kỳ kỹ thuật cầu có chiều dài lớn hơn 300m đến dưới 400m hoặc bằng 400m	cầu/năm	28.264.746
1.2	Kiểm tra định kỳ kỹ thuật cầu có chiều dài lớn hơn 400m đến dưới 500m hoặc bằng 500m	cầu/năm	35.295.874
1.3	Kiểm tra định kỳ kỹ thuật cầu có chiều dài lớn hơn 500m đến dưới 600m hoặc bằng 600m	cầu/năm	42.327.001
1.4	Cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên máy tính cầu có chiều dài lớn hơn 300m đến dưới 400m hoặc bằng 400m	cầu/năm	2.243.955
1.5	Cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên máy tính cầu có chiều dài lớn hơn 400m đến dưới 500m hoặc bằng 500m	cầu/năm	2.804.944
1.6	Cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên máy tính cầu có chiều dài lớn hơn 500m đến dưới 600m hoặc bằng 600m	cầu/năm	3.365.932
<b>2</b>	<b>BẢO DƯỠNG CẦU CÓ CHIỀU DÀI &gt; 300m</b>		
2.1	Vệ sinh dải phân cách trên cầu, hai đầu cầu	100md	151.529
2.2	Vệ sinh khe co giãn	md	17.280
2.3	Vệ sinh mặt cầu	100m	4.872
2.4	Vệ sinh lề bộ hành	10m <sup>2</sup>	17.349
2.5	Vệ sinh hệ thống thoát nước	10 lỗ ống	31.863
2.6	Vệ sinh lan can	100md	13.340
2.7	Vá ô gà mặt cầu bằng bê tông nhựa nóng hạt mịn, chiều dày mặt đường lên ép 6cm	10m <sup>2</sup>	3.710.245
2.8	Bảo dưỡng khe co giãn thép	md	204.157